

# THỰC TRẠNG THIẾT KẾ BÀI TẬP TÌNH HUỐNG TRONG MÔN ĐẠO ĐỨC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO HỌC SINH LỚP 4

Dương Trần Bình-Trường Tiểu học Chi Lăng, quận Gò Vấp, TP.HCM  
Nguyễn Diệu Ly-Trường ĐH Sư phạm TP.HCM

**Tóm tắt:** Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và năng lực giao tiếp của các em. Mặc dù được coi là môn học cốt lõi, song thực tế cho thấy vẫn còn nhiều học sinh có hành vi lệch chuẩn và thiếu hụt kỹ năng giao tiếp, đặt ra thách thức về hiệu quả giảng dạy môn Đạo đức. Sát tại TPHCM cho thấy nhiều giáo viên đã có nhận thức đúng đắn về năng lực giao tiếp và vai trò của môn Đạo đức trong việc hình thành năng lực này cho học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế trong việc vận dụng các phương pháp và hình thức giảng dạy hiệu quả. Bài viết xem xét thực trạng thiết kế bài tập tình huống trong môn đạo đức nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 4.

**Từ khóa:** Giáo dục đạo đức, hiệu quả giảng dạy, bài tập tình huống

## THE CURRENT SITUATION OF DESIGNING SITUATIONAL EXERCISES IN ETHICS TO DEVELOP COMMUNICATION SKILLS FOR 4TH GRADE STUDENTS

Duong Tran Binh - Chi Lang Elementary School, Go Vap District, Ho Chi Minh City  
Nguyen Dieu Ly - Ho Chi Minh City University of Education

**Abstract:** Moral education for elementary school students plays a crucial role in shaping their character and communication skills. Although it is considered a core subject, in reality, there are still many students with deviant behaviors and a lack of communication skills, posing a challenge to the effectiveness of teaching Ethics. A survey in Ho Chi Minh City shows that many teachers have a correct understanding of communication skills and the role of the Ethics subject in forming this skill for students. However, there are still many difficulties and limitations in applying effective teaching methods and forms. The article examines the current situation of designing situational exercises in Ethics to develop communication skills for 4th-grade students.

**Keywords:** Moral education, Effectiveness of teaching, Situational exercises

Nhận bài: 15/02/2025

Phản biện: 18/03/2025

Duyệt đăng: 22/03/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở cấp Tiểu học, giáo dục đạo đức được hình thành thông qua hai phương thức chính: giảng dạy các môn học và tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Chương trình giáo dục phát triển năng lực HS, khi dạy học môn Đạo đức, HS nhận biết các hành vi chuẩn mực đạo đức xã hội là chưa đủ mà các em cần áp dụng được nó vào thực tiễn cuộc sống.

Vai trò, chức năng của môn học như đã nêu, việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp (NLGT) cho HS là một mục tiêu thiết yếu và bắt buộc của môn Đạo đức. Tri thức và kết quả học tập của HS không phải và không thể ở trên giấy, mà nó phải được thể hiện qua lời nói, hành động của HS. Tuy nhiên, hiện nay có khá nhiều hành vi lệch chuẩn nói chung và hành vi giao tiếp không đúng mực nói riêng hoặc thiếu hụt hành vi giao tiếp ở lứa tuổi HS phổ thông.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

**2.2.1. Thực trạng mức độ sử dụng và mức độ phù hợp của nội dung bài tập tình huống trong môn Đạo đức lớp 4 đối với học sinh thuộc mẫu khảo sát**

a) Mức độ sử dụng các loại bài tập trong môn Đạo đức lớp 4:

Loại bài tập xử lý tình huống đạo đức và bài tập nhận xét, đánh giá hành vi đạo đức của người khác được sử dụng thường xuyên, với tỉ lệ 100% trong các tiết dạy môn Đạo đức. Trong thực tế, ở phần luyện tập thực hành trong các bộ SGK, các bài tập phổ biến nhất là hai loại bài tập trên. Thực tế trên cho thấy GV đã có sự quan tâm về sử dụng BTTH trong môn Đạo đức.

b) Mức độ phù hợp của nội dung BTTH với đối tượng học sinh

- *Đánh giá của GV về ưu điểm của các BTTH trong SGK theo hướng phát triển NLGT:*

Dựa vào khảo sát trên, có thể thấy, các BTTH trong bộ SGK đã đi theo hướng phát triển năng lực cho HS, tuy nhiên, để tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp, cần xây dựng thêm nhiều tình huống phù hợp với hoàn cảnh sống của HS, tạo động cơ bên trong, kích thích sự áp dụng vào thực tiễn nhằm giúp các em hiện thực hóa năng lực giao tiếp như khả năng tranh luận, phản biện, lắng

nghe ý kiến và phản hồi của HS.

- *Đánh giá của GV về hạn chế của các BTTH trong SGK theo hướng phát triển năng lực giao tiếp.* Kết quả cho thấy: hầu hết GV thấy “Bài tập tình huống thiếu tính đa dạng, được thiết kế theo mẫu cố định” (chiếm 94,3%), “Hạn chế khả năng tư duy phản biện” (chiếm 85,7%), “Nội dung bài tập tình huống không phù hợp với đời sống thực tế của học sinh” (chiếm 57,1%), “Một số từ ngữ trong bài tập tình huống mang tính phương ngữ” (chiếm 54,3%).

### **2.2.2. Thực trạng nhận thức của giáo viên về bài tập tình huống phát triển năng lực giao tiếp trong dạy học môn Đạo đức lớp 4**

- *Sự hiểu biết của GV về NLGT:* Cách hiểu NLGT “là khả năng vận dụng hiệu quả những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong các tình huống thực tiễn khác nhau” được nhiều giáo viên chọn nhất, chiếm 48,7%. Xếp thứ hai “là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết”. Điều này thể hiện phần lớn GV trong mẫu khảo sát có cách hiểu về NLGT chưa đầy đủ, bởi với hai cách hiểu trên chỉ mới nhấn mạnh về năng lực ngôn ngữ.

- *Sự hiểu biết của GV về BTTH:* So với nhận thức về NLGT, số GV trong mẫu khảo sát thể hiện có nhận thức khả quan hơn. Cụ thể, chỉ có 1 GV lựa chọn phương án “Bài kiểm tra nhằm đánh giá sự tiếp thu về mặt lý thuyết của học sinh thông qua tình huống thực tế trong cuộc sống” và 3 GV lựa chọn phương án “Phương pháp giáo dục giúp học sinh phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề thông qua các tình huống thực tế trong cuộc sống”. Đây là những cách hiểu chưa đúng về BTTH.

- *Sự hiểu biết của GV về vai trò của BTTH trong việc phát triển NLGT cho HS:* 100% GV tham gia khảo sát đều lựa chọn phương án “Tạo cơ hội cho học sinh phát triển kỹ năng nói và nghe, xây dựng tư duy phản biện, tự đánh giá và cải thiện, nâng cao năng lực giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.”, ngoài ra, một số GV cũng lựa chọn thêm 1-2 phương án về vai trò của BTTH trong việc phát triển năng lực giao tiếp cho HS.

- *Sự hiểu biết của GV về điểm khác biệt giữa BTTH và BTTH phát triển NLGT*

Có 22/35 GV tham gia khảo sát cho rằng BTTH thông thường không có điểm khác biệt so với BTTH phát triển NLGT cho HS, chiếm

tỉ lệ 62,9%.

Trái ngược với ý kiến trên, 13/35 GV, cho rằng BTTH có điểm khác biệt so với BTTH phát triển NLGT, chiếm tỉ lệ 37,1%.

### **2.2.3. Thực trạng kỹ năng thiết kế bài tập tình huống của giáo viên trong dạy học môn Đạo đức lớp 4**

- Khảo sát về khả năng tự thiết kế BTTH của GV hiện nay, chúng tôi thu được kết quả sau:

Kết quả khảo sát cho thấy, không phải tất cả các GV đều thiết kế thêm các BT ngoài SGK đang sử dụng, với số lượng GV thiết kế thêm, đa số đều tham khảo và lựa chọn các BT khác từ các bộ sách khác, số ít chiếm 8,7% xây dựng thêm BT tương tự từ nền tảng bài tập trong SGK và không có GV nào tự xây dựng bài tập.

Một trong những biểu hiện coi trọng sự phù hợp của nội dung BTTH đối với HS chính là việc GV thay đổi nội dung BTTH. Khảo sát về biểu hiện này, chúng tôi thu được kết quả sau: Kết quả khảo sát cho thấy: 19/35 GV (chiếm 54,3%) ít khi thay đổi nội dung BTTH, 14/35 GV (chiếm 40%) chưa bao giờ thay đổi nội dung BTTH và chỉ có 2/35 GV (chiếm 5,7%) thường xuyên thay đổi nội dung BTTH.

- Những thành phần của giao tiếp ở HS được GV chú trọng khi dạy học với BTTH

Những biểu hiện như “Đưa ra được lời lẽ hợp lý để bảo vệ chính kiến của bản thân”, “Diễn tả được cách giải quyết đúng về tình huống (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)”, “Đưa ra được cách giải quyết đúng về tình huống”, “Tự nhận xét được kết quả thực hiện của bản thân” được đa số GV lựa chọn là biểu hiện quan trọng về năng lực giao tiếp ở học sinh khi dạy học với bài tập tình huống. Điều này cho thấy hiện nay GV chỉ đang tập trung vào kỹ năng phản biện và kỹ năng thực hiện cách ứng xử.

### **2.2.4. Thực trạng kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn Đạo đức lớp 4**

- Sự hứng thú của HS đối với nội dung môn Đạo đức lớp 4

Bảng thống kê thể hiện: có 148/303 HS lựa chọn mức độ “Bình thường” (chiếm 48,8%), 124/303 HS lựa chọn mức độ “Rất thích” (chiếm 40,9%) và 31/303 HS “Không thích” học môn Đạo đức (chiếm 10,3%).

- Loại hình BT yêu thích của HS trong giờ học môn Đạo đức lớp 4

Kết quả khảo sát cho thấy, loại hình BT yêu thích nhất của các em HS là đọc hiểu các bài đọc, câu chuyện ở phần “Khám phá” với 292 bình chọn, tương ứng với 96,4%; xếp thứ hai là “Thực hành, luyện tập” thông qua các bài tập xử lý tình huống với 56 bình chọn, tương ứng với 18,5% và cuối cùng là vận dụng hành vi đạo đức vào cuộc sống với 245 bình chọn, tương ứng với 80,8%.

- Mức độ thực hiện các BT của HS

Kết quả trên cho thấy: các BT được các em HS thường xuyên thực hiện là dạng BT nhận xét, đánh giá hành vi đạo đức của người khác; dạng bài tự nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và dạng bài xử lý tình huống đạo đức. Trong khi đó, các kiểu bài ít được thực hiện là BT rèn luyện hành vi, BT điều tra và BT thực hiện thao tác, hành động theo mẫu hành vi. Như vậy, ta có thể thấy, sự chú trọng và tầm quan trọng của BTTH cũng được đề cao trong việc phát triển năng lực cho các em HS, trong đó có NLGT.

- Nhận xét của HS về hệ thống BTTH trong SGK

Từ bảng tổng hợp trên, ta có thể thấy các em HS có những nhận xét khác nhau từ mặt nội dung, hình thức, phương thức báo cáo đối với hệ thống BTTH trong SGK. Trong đó, các em đồng tình cao với ý kiến các BTTH thường có chung (hoặc ít) cách giải quyết nên không hấp dẫn, cách báo cáo kết quả các BTTH giống nhau. Điều này cho thấy, nội dung và cách thức báo cáo các BTTH còn hạn chế, nếu xây dựng được các BTTH tạo cơ hội cho HS phát biểu, tranh luận, thảo luận với các ý kiến đa chiều và được báo cáo dưới nhiều hình thức sẽ giúp HS hứng thú với tiết học hơn.

- Hành vi học tập của HS đối với BTTH

Kết quả khảo sát cho thấy: Phần lớn các em lựa chọn một số cách thức thực hiện chứ không chỉ lựa chọn một cách thức duy nhất, trong đó các cách thức được sử dụng được xếp hạng như sau: đứng đầu là “trả lời miệng”, thứ hai là “sắm vai xử lý tình huống”, thứ ba là “viết câu trả lời vào phiếu hoặc vở bài tập” và cuối cùng là “Dùng thẻ Đ/S (mặt cười/mặt méo) hoặc các thẻ tương tự”. Những mong muốn của HS đều thể hiện nhận thức, mục đích đúng đắn khi thực hiện bài tập tình huống, các em muốn được thể hiện kiến thức, kỹ năng đã lĩnh hội được cho mọi người cùng biết và cùng học hỏi lẫn nhau. Đó là một ưu thế lớn giúp GV có thể quan tâm đúng mức góp phần giúp

HS có cơ hội phát triển NLGT trong dạy học bài BTTH.

- Mức độ hài lòng của GV về NLGT của HS

Khi được hỏi về kết quả học tập của HS thông qua việc thể hiện NLGT sau khi sử dụng BTTH, chỉ một số ít GV lựa chọn phương án “Hài lòng” (22,8%), phương án “Bình thường” chiếm 34,3%, còn 42,9% GV lựa chọn phương án “Không hài lòng”.

- Biểu hiện NLGT của HS thông qua các tình huống thực nghiệm

Với ba tình huống thực nghiệm và một nhóm đối tượng HS tham gia, chúng tôi đã quan sát được những biểu hiện cơ bản của NLGT và thấy rằng có một số HS thể hiện rất tốt, bên cạnh đó, có những em HS vẫn còn lúng túng, bối rối, mất nhiều thời gian để đưa ra phản hồi bằng ngôn từ. Các em có thể nắm vững những bài học đạo đức, lý thuyết về chuẩn mực hành vi nhưng vận dụng vào cuộc sống chưa thực sự tốt.

### III. KẾT LUẬN

#### 3.1. Ưu điểm

GV nhận thức tương đối đúng đắn về NLGT và vai trò của NL này, về những biểu hiện của NLGT ở HS... khi dạy học môn Đạo đức của bậc học nói chung, ở lớp 4 nói riêng. Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng một bộ phận GV đã có sự đầu tư tìm tòi, nghiên cứu để vận dụng xây dựng được một số nội dung; lựa chọn được các phương pháp, biện pháp, tổ chức được một số hoạt động phát triển năng lực giáo tiếp phù hợp HS lớp 4 thông qua bài tập tình huống. Điều này cho thấy sự nỗ lực cố gắng của mỗi GV, của các nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục trong việc cùng chung tay thực hiện mục tiêu dạy học phát triển năng lực, phẩm chất cho HS theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

#### 3.2. Hạn chế

Tỉ lệ nhỏ GV nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về NLGT, chưa xác định, lựa chọn được phương pháp, biện pháp đúng đắn, hiệu quả để phát triển NLGT cho HS lớp 4 làm ảnh hưởng đến kết quả dạy học chung và môn Đạo đức nói riêng. Bên cạnh các BTTH trong SGK, các GV vẫn còn lúng túng, thiếu cơ sở, nguồn tài liệu để xây dựng thêm các BTTH khác nhằm bổ trợ, phát triển NLGT cho HS lớp 4.

#### 3.3. Nguyên nhân

Về khách quan: Trong mỗi bài học, tiết học

khối lượng kiến thức tương đối dài và nặng vì vậy GV chủ yếu tìm các biện pháp để HS tiếp thu và hiểu được kiến thức bài học, việc phát triển tư duy, NLGT chưa được chú trọng. Học sinh do tác động từ gia đình, xã hội và ngay trong từng nhà trường có tâm lý xem nhẹ nên việc quan tâm đầu tư của nhà trường, của GV chưa thực sự đi vào chiều sâu.

Về chủ quan: Nhiều GV chưa chú trọng tự nghiên cứu, tự tìm hiểu về phát triển năng lực, đặc biệt là việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật

dạy học phù hợp để phát triển năng lực cho học sinh còn hạn chế. GV còn ngại khó, ngại đầu tư thời gian, công sức cho bài dạy, chỉ tập trung sao cho hết chương trình, kiến thức cơ bản, chủ yếu dành thời gian cho môn Toán, Tiếng Việt vì vậy chất lượng dạy môn Đạo đức cũng còn nhiều hạn chế.

Từ thực trạng trên, việc đề xuất xây dựng BTTH nhằm phát triển NLGT cho HS lớp 4 là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT năm 2018.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Như An. (1992). Giải bài tập tình huống sư phạm. Tạp chí nghiên cứu Giáo dục, số 11, tr8-12.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông môn Đạo đức (2018), Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định đánh giá HSTH.
- [6]. Nguyễn Hữu Hợp. (2015). Giáo trình Đạo đức và phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Hà Nội.
- [7]. Phạm Minh Hùng, Thái Văn Thành, Nguyễn Thị Hường (2016), Giáo trình giáo dục học, NXB Đại học Vinh.
- [8]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), Luật Giáo dục, Luật số 43/2019/QH14.